

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
NÔNG NGHIỆP & GIAO THÔNG

Mẫu số 03/DT-QLDA

BẢNG DỰ TOÁN LƯƠNG NĂM 2025

DVT:

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
I	Cán bộ hưởng lương hợp đồng làm việc (Viên chức và người lao động)												
1	Đặng Hữu Tài	01.002	5,08	0,7			5,78	13.525.200	12	162.302.400	19.656.000	142.646.400	
								Cộng		162.302.400	19.656.000	142.646.400	
2	Phạm Văn Hòa	01.003	4,98	0,5			5,48	12.823.200	12	153.878.400	14.040.000	139.838.400	
								Cộng		153.878.400	14.040.000	139.838.400	
3	Cao Đình Triết	01.003	4,65	0,5			5,15	12.051.000	2	24.102.000	2.340.000	21.762.000	Tăng lương từ tháng 3/2025
			4,98	0,5			5,48	12.823.200	10	128.232.000	11.700.000	116.532.000	
								Cộng		152.334.000	14.040.000	138.294.000	
4	Đoàn Tùng Lâm	01.002	5,08	0,5			5,58	13.057.200	12	156.686.400	14.040.000	142.646.400	
								Cộng		156.686.400	14.040.000	142.646.400	
5	Lê Thành Trục	01.002	6,44	0,5			6,94	16.239.600	12	194.875.200	14.040.000	180.835.200	
								Cộng		194.875.200	14.040.000	180.835.200	
6	Ngô Thị Mỹ Hằng	01.003	4,98	0,5			5,48	12.823.200	12	153.878.400	14.040.000	139.838.400	
								Cộng		153.878.400	14.040.000	139.838.400	
7	Nguyễn Văn Quảng	01.003	4,98	0,3			5,28	12.355.200	12	148.262.400	8.424.000	139.838.400	
								Cộng		148.262.400	8.424.000	139.838.400	
8	Phạm Thanh Sơn	01.003	3,66	0,3			3,96	9.266.400	12	111.196.800	8.424.000	102.772.800	
								Cộng		111.196.800	8.424.000	102.772.800	
9	Hoàng Thị Bích Lân	01.003	4,65	0,3			4,95	11.583.000	12	138.996.000	8.424.000	130.572.000	
								Cộng		138.996.000	8.424.000	130.572.000	
10	Lê Đức Duy	01.003	3,33	0,3			3,63	8.494.200	12	101.930.400	8.424.000	93.506.400	
								Cộng		101.930.400	8.424.000	93.506.400	
11	Hà Ngọc Truân	01.003	4,32	0,3			4,62	10.810.800	11	118.918.800	7.722.000	111.196.800	Tăng lương từ tháng 3/2025

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
11	Trần Ngọc Huyền	01.003	4,65	0,3			4,95	11.583.000	1	11.583.000	702.000	10.881.000	Tăng lương từ tháng 12/2025
								Cộng		130.501.800	8.424.000	122.077.800	
12	Trương Thục Ngọc Vy	01.003	3,66	0,2			3,86	9.032.400	12	108.388.800	5.616.000	102.772.800	
								Cộng		108.388.800	5.616.000	102.772.800	
13	Nguyễn Duy Thanh	01.003	3,33	0,2			3,53	8.260.200	12	99.122.400	5.616.000	93.506.400	
								Cộng		99.122.400	5.616.000	93.506.400	
14	Nguyễn Công Tuấn	01.003	4,98	0,2			5,18	12.121.200	12	145.454.400	5.616.000	139.838.400	
								Cộng		145.454.400	5.616.000	139.838.400	
15	Phạm Hải triều	01.003	4,65	0,2			4,85	11.349.000	4	45.396.000	1.872.000	43.524.000	Tăng lương từ tháng 5/2025
			4,98	0,2			5,18	12.121.200	8	96.969.600	3.744.000	93.225.600	
								Cộng		142.365.600	5.616.000	136.749.600	
16	Nguyễn Quang Dũng	01.003	5,38	0,2			5,58	13.053.456	3	39.160.368	1.404.000	37.756.368	Nghỉ hưu từ 05.2025
								Cộng		39.160.368	1.404.000	37.756.368	
17	Nguyễn Thị Lệ Hằng	01.003	4,98				4,98	11.653.200	12	139.838.400	0	139.838.400	
								Cộng		139.838.400	0	139.838.400	
18	Nguyễn Công Thành	01.003	5,43				5,43	12.701.988	6	76.211.928	0	76.211.928	Nghỉ hưu từ 7/2025
								Cộng		76.211.928	0	76.211.928	
19	Bùi Thị Thu Hà	01.003	4,65				4,65	10.881.000	12	130.572.000	0	130.572.000	
								Cộng		130.572.000	0	130.572.000	
20	Lê Ngọc Huy	01.003	2,67				2,67	6.247.800	3	18.743.400	0	18.743.400	Tăng lương từ tháng 4/2025
			3,00				3,00	7.020.000	9	63.180.000	0	63.180.000	
								Cộng		81.923.400	0	81.923.400	
21	Nguyễn Thị Phương Nga	01.003	3,33				3,33	7.792.200	12	93.506.400	0	93.506.400	
								Cộng		93.506.400	0	93.506.400	
22	Huỳnh Kỳ Anh	01.003	2,67				2,67	6.247.800	11	68.725.800	0	68.725.800	Tăng lương từ tháng 12/2025
			3,00				3,00	7.020.000	1	7.020.000	0	7.020.000	
								Cộng		75.745.800	0	75.745.800	
23	Nguyễn Đức Đoàn Trang	01.003	4,65				4,65	10.881.000	12	130.572.000	0	130.572.000	
								Cộng		130.572.000	0	130.572.000	
24	Phạm Văn Tân	01.004	3,26				3,26	7.628.400	9	68.655.600	0	68.655.600	Tăng lương từ tháng 12/2025

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
24	Trần Văn Tân	01.004	3,46				3,46	8.096.400	3	24.289.200	0	24.289.200	Tăng lương từ tháng 10/2025
								Cộng		92.944.800	0	92.944.800	
25	Tạ Thị Mận	01.003	3,33				3,33	7.792.200	3	23.376.600		23.376.600	Tăng lương từ tháng 4/2025
			3,66				3,66	8.564.400	9	77.079.600		77.079.600	
								Cộng		100.456.200	0	100.456.200	
26	Nguyễn Ngọc Tiến	01.003	2,67				2,67	6.247.800	12	74.973.600		74.973.600	
								Cộng		74.973.600	0	74.973.600	
27	Lê Tuấn Anh	01.003	3,00				3,00	7.020.000	12	84.240.000		84.240.000	
								Cộng		84.240.000	0	84.240.000	
28	Phan Uy Viễn	01.003	3,34				3,34	7.815.600	12	93.787.200		93.787.200	
								Cộng		93.787.200	0	93.787.200	
29	Vũ Khải Khánh Trang	01.003	3,99				3,99	9.336.600	5	46.683.000		46.683.000	Tăng lương từ tháng 6/2025
			4,32				4,32	10.108.800	7	70.761.600		70.761.600	
								Cộng		117.444.600	0	117.444.600	
30	Huỳnh Vũ Hiệp	01.003	3,33				3,33	7.792.200	12	93.506.400		93.506.400	
								Cộng		93.506.400	0	93.506.400	
31	Trần Đức Thành	01.005	2,91				2,91	6.809.400	12	81.712.800		81.712.800	
								Cộng		81.712.800	0	81.712.800	
32	Nguyễn Hoàng Trung	01.003	2,34				2,34	5.475.600	10	54.756.000		54.756.000	Tăng lương từ tháng 11/2025
			2,67				2,67	6.247.800	2	12.495.600		12.495.600	
								Cộng		67.251.600	0	67.251.600	
33	Lê Anh Duy	01.003	2,34				2,34	5.475.600	12	65.707.200		65.707.200	
								Cộng		65.707.200	0	65.707.200	
34	Võ Ngọc Tiết	01.003	4,65				4,65	10.881.000	12	130.572.000		130.572.000	
								Cộng		130.572.000	0	130.572.000	
35	Quách Mạnh Hoàng	01.003	2,34				2,34	5.475.600	12	65.707.200		65.707.200	
								Cộng		65.707.200	0	65.707.200	
36	Võ Đức Thuận	01.003	3,66				3,66	8.564.400	12	102.772.800		102.772.800	
								Cộng		102.772.800	0	102.772.800	
37	Lê Công Điệp	01.003	3,00				3,00	7.020.000	12	84.240.000		84.240.000	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
									Cộng	84.240.000	0	84.240.000	
38	Trần Thị Diệu Na	01.003	2,67				2,67	6.247.800	12	74.973.600		74.973.600	
									Cộng	74.973.600	0	74.973.600	
39	Đỗ Trần Thanh Tùng	01.003	2,34				2,34	5.475.600	12	65.707.200		65.707.200	
									Cộng	65.707.200	0	65.707.200	
40	Nguyễn Nhật Vinh	01.003	2,34				2,34	5.475.600	12	65.707.200		65.707.200	
									Cộng	65.707.200	0	65.707.200	
41	Nguyễn Quốc Huy	01.003	2,67				2,67	6.247.800	12	74.973.600		74.973.600	
									Cộng	74.973.600	0	74.973.600	
41	Trần Thanh Ny	01.003	3,00				3,00	7.020.000	8	56.160.000		56.160.000	
									Cộng	56.160.000	0	56.160.000	
42	Đào Ngọc Sơn	01.003	3,99				3,99	9.336.600	12	112.039.200		112.039.200	
									Cộng	112.039.200	0	112.039.200	
43	Lê Khánh Duy	01.003	2,67				2,67	6.247.800	12	74.973.600		74.973.600	
									Cộng	74.973.600	0	74.973.600	
44	Lê Thủy Trúc	01.003	2,34				2,34	5.475.600	12	65.707.200		65.707.200	
									Cộng	65.707.200	0	65.707.200	
45	Võ Thị Thu Hương	01.003	3,66				3,66	8.564.400	12	102.772.800		102.772.800	
									Cộng	102.772.800	0	102.772.800	
46	Trần Văn Vương	06.031	3,00				3,00	7.020.000	4	28.080.000		28.080.000	Nghỉ việc từ 05.2025
									Cộng	28.080.000	0	28.080.000	
47	Lê Quang Thắng	01.003	2,34				2,34	5.475.600	5	27.378.000		27.378.000	Nghỉ việc từ 7.2025
									Cộng	27.378.000	0	27.378.000	
48	Huỳnh Ngọc Hải	01.003	4,98				4,98	11.653.200	3	34.959.600		34.959.600	Nghỉ việc từ 05.2025
									Cộng	34.959.600	0	34.959.600	
49	Trần Công Tiến	01.003	3,99				3,99	9.336.600	12	112.039.200		112.039.200	
									Cộng	112.039.200	0	112.039.200	
50	Võ Như Trị	01.003	4,65				4,65	10.881.000	12	130.572.000		130.572.000	
									Cộng	130.572.000	0	130.572.000	
51	Nguyễn Thị Minh Khánh	01.003	3,33				3,33	7.792.200	12	93.506.400		93.506.400	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
									Cộng	93.506.400	0	93.506.400	
52	Phan Thị Hồng	01.003	4,98				4,98	11.653.200	3	34.959.600		34.959.600	Nghỉ hưu từ 05.2025
									Cộng	34.959.600	0	34.959.600	
53	Nguyễn Khang	01.003	2,67				2,67	6.247.800	12	74.973.600		74.973.600	
									Cộng	74.973.600	0	74.973.600	
54	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01.003	3,66				3,66	8.564.400	12	102.772.800		102.772.800	
									Cộng	102.772.800	0	102.772.800	
55	Đỗ Lê Na	01.003	3,99				3,99	9.336.600	12	112.039.200		112.039.200	
									Cộng	112.039.200	0	112.039.200	
56	Trần Thị Thu Hương	01.005	4,07				4,07	9.522.162	3	28.566.486		28.566.486	Nghỉ hưu từ 05.2025
									Cộng	28.566.486	0	28.566.486	
57	Trần Hoàng Hải	01.003	3,33				3,33	7.792.200	12	93.506.400		93.506.400	
									Cộng	93.506.400	0	93.506.400	
58	Vũ Quang Linh	01.003	5,23				5,23	12.235.860	3	36.707.580		36.707.580	Nghỉ việc từ 04.2025
									Cộng	36.707.580	0	36.707.580	
59	Bùi Quốc Phong	01.003	3,99				3,99	9.336.600	12	112.039.200		112.039.200	
									Cộng	112.039.200	0	112.039.200	
60	Lê Đình Thiết	01.003	3,99				3,99	9.336.600	3	28.009.800		28.009.800	Tăng lương từ tháng 11/2025
			4,32				4,32	10.108.800	2	20.217.600		20.217.600	
									Cộng	48.227.400	0	48.227.400	
61	Nguyễn Văn Cương	01.003	3,33		0,3		3,63	8.494.200	4	33.976.800	0	33.976.800	Tăng lương từ tháng 12/2025
			3,66		0,3		3,96	9.266.400	1	9.266.400	0	9.266.400	
									Cộng	43.243.200	0	43.243.200	
62	Võ Thành Nhân	01.002	6,10	0,3			6,40	14.976.000	11	164.736.000	7.722.000	157.014.000	Nghỉ hưu từ 12.2025
									Cộng	164.736.000	7.722.000	157.014.000	
63	Nguyễn Văn Hưng	01.003	3,33	0,1	0,3		3,73	8.728.200	5	43.641.000	4.680.000	38.961.000	
									Cộng	43.641.000	4.680.000	38.961.000	
64	Hồ Ngọc Thông	01.003	3,00		0,2		3,20	7.488.000	5	37.440.000	2.340.000	35.100.000	
									Cộng	37.440.000	2.340.000	35.100.000	
65	Trần Nguyễn Minh Quân	01.003	4,32	0,2			4,52	10.576.800	5	52.884.000	2.340.000	50.544.000	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
									Cộng	52.884.000	2.340.000	50.544.000	
66	Nguyễn Trường Phúc	01.003	2,34		0,3		2,64	6.177.600	5	30.888.000	3.510.000	27.378.000	
									Cộng	30.888.000	3.510.000	27.378.000	
67	Trương Quỳnh Lê	01.004	3,26	0,1			3,36	7.862.400	5	39.312.000	1.170.000	38.142.000	
									Cộng	39.312.000	1.170.000	38.142.000	
68	Phan Trọng Nghĩa	01.003	2,67		0,2		2,87	6.715.800	5	33.579.000	2.340.000	31.239.000	
									Cộng	33.579.000	2.340.000	31.239.000	
69	Phan Văn Lân	01.003	5,28	0,2	0,3		5,78	13.522.392	5	67.611.960	5.850.000	61.761.960	
									Cộng	67.611.960	5.850.000	61.761.960	
70	Nguyễn Danh Quyền	01.003	2,67		0,3		2,97	6.949.800	5	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
									Cộng	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
71	Nguyễn Nhật Khánh	01.003	2,67				2,67	6.247.800	1	6.247.800		6.247.800	
									Cộng	6.247.800	0	6.247.800	
72	Võ Thị Kiều Oanh	01.003	2,67				2,67	6.247.800	1	6.247.800		6.247.800	
									Cộng	6.247.800	0	6.247.800	
73	Nguyễn Thị Kim Thoa	01.003	2,67	0,2	0,3		3,17	7.417.800	5	37.089.000	5.850.000	31.239.000	
									Cộng	37.089.000	5.850.000	31.239.000	
74	Nguyễn Bảo Ngân	01.003	3,00				3,00	7.020.000	5	35.100.000		35.100.000	
									Cộng	35.100.000	0	35.100.000	
76	Trần Minh Phát	01.003	3,99	0,4			4,39	10.272.600	5	51.363.000	4.680.000	46.683.000	
									Cộng	51.363.000	4.680.000	46.683.000	
77	Lê Công Hiếu	01.003	3,66				3,66	8.564.400	5	42.822.000		42.822.000	
									Cộng	42.822.000	0	42.822.000	
78	Nguyễn Trọng Lân	01.003	3,66				3,66	8.564.400	5	42.822.000		42.822.000	
									Cộng	42.822.000	0	42.822.000	
79	Nguyễn Hải Đăng	01.003	2,34				2,34	5.475.600	5	27.378.000		27.378.000	
									Cộng	27.378.000	0	27.378.000	
81	Phan Hữu Đạt	01.003	3,99				3,99	9.336.600	1	9.336.600		9.336.600	
									Cộng	9.336.600	0	9.336.600	
82	Lê Thị Xuân Hương	01.003	4,65	0,15			4,80	11.232.000	5	56.160.000	1.755.000	54.405.000	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
									Cộng	56.160.000	1.755.000	54.405.000	
83	Tạ Công Nguyên	01a.003	3,65				3,65	8.541.000	1	8.541.000		8.541.000	
									Cộng	8.541.000	0	8.541.000	
84	Trần Anh Quang	01.003	4,65		0,2		4,85	11.349.000	5	56.745.000	2.340.000	54.405.000	
									Cộng	56.745.000	2.340.000	54.405.000	
85	Nguyễn Hữu Hân	01.003	3,00				3,00	7.020.000	5	35.100.000		35.100.000	
									Cộng	35.100.000	0	35.100.000	
86	Hồ Ngọc Khuê	01.003	3,33				3,33	7.792.200	5	38.961.000		38.961.000	
									Cộng	38.961.000	0	38.961.000	
87	Lưu Minh Thanh	01.003	3,99				3,99	9.336.600	5	46.683.000		46.683.000	
									Cộng	46.683.000	0	46.683.000	
88	Trần Đạt	01.003	3,99				3,99	9.336.600	5	46.683.000		46.683.000	
									Cộng	46.683.000	0	46.683.000	
89	Trương Duy Hưng	01.003	3,99				3,99	9.336.600	5	46.683.000		46.683.000	
									Cộng	46.683.000	0	46.683.000	
90	Phạm Thị Quỳnh Hương	01.003	3,66				3,66	8.564.400	5	42.822.000		42.822.000	
									Cộng	42.822.000	0	42.822.000	
91	Dương Minh Hải	01.003	3,66				3,66	8.564.400	5	42.822.000		42.822.000	
									Cộng	42.822.000	0	42.822.000	
92	Nguyễn Văn Tư	01.003	2,67				2,67	6.247.800	5	31.239.000		31.239.000	
									Cộng	31.239.000	0	31.239.000	
93	Nguyễn Thị Kim Cúc	01.003	3,66	0,1	0,2		3,96	9.266.400	5	46.332.000	3.510.000	42.822.000	
									Cộng	46.332.000	3.510.000	42.822.000	
94	Phan Đức Trọng	01.003	2,67				2,67	6.247.800	5	31.239.000		31.239.000	
									Cộng	31.239.000	0	31.239.000	
95	Nguyễn Xuân Thịnh	01.003	2,67				2,67	6.247.800	5	31.239.000		31.239.000	
									Cộng	31.239.000	0	31.239.000	
96	Khổng Thị Thu Ngân	01.003	3,33				3,33	7.792.200	5	38.961.000		38.961.000	
									Cộng	38.961.000	0	38.961.000	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
97	Trần Hồ Hữu Phát	01.003	2,67		0,3		2,97	6.949.800	5	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
									Cộng	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
98	Tô Thanh	01.003	4,32				4,32	10.108.800	5	50.544.000		50.544.000	
									Cộng	50.544.000	0	50.544.000	
99	Nguyễn Quốc An Vinh	01.003	2,67				2,67	6.247.800	5	31.239.000		31.239.000	
									Cộng	31.239.000	0	31.239.000	
100	Võ Sỹ Cường	01.003	3,33				3,33	7.792.200	5	38.961.000		38.961.000	
									Cộng	38.961.000	0	38.961.000	
101	Phan Khắc Huy	01.003	3,66				3,66	8.564.400	1	8.564.400		8.564.400	
									Cộng	8.564.400	0	8.564.400	
102	Nguyễn Thị Hiền	01.003	2,67		0,3		2,97	6.949.800	5	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
									Cộng	34.749.000	3.510.000	31.239.000	
103	Nguyễn Tiến Lợi	01.003	3,33		0,3		3,63	8.494.200	1	8.494.200	702.000	7.792.200	
									Cộng	8.494.200	702.000	7.792.200	
104	Nguyễn Hạ Quỳnh Như	01.003	3,33		0,2		3,53	8.260.200	5	41.301.000	2.340.000	38.961.000	
									Cộng	41.301.000	2.340.000	38.961.000	
105	Phạm Triệu Khánh	01.003	3,33				3,33	7.792.200	1	7.792.200		7.792.200	
									Cộng	7.792.200	0	7.792.200	
106	Lê Công Hoan	01.003	3,99		0,2		4,19	9.804.600	5	49.023.000	2.340.000	46.683.000	
										49.023.000	2.340.000	46.683.000	
107	Trần Lê Minh Chiến	01.003	2,34		0,3		2,64	6.177.600	5	30.888.000	3.510.000	27.378.000	
									Cộng	30.888.000	3.510.000	27.378.000	
108	Cao Xuân Điệp	01.003	2,34				2,34	5.475.600	5	27.378.000		27.378.000	
									Cộng	27.378.000	0	27.378.000	
109	Nguyễn Quý Đăng Châu	01.003	2,34				2,34	5.475.600	5	27.378.000		27.378.000	
									Cộng	27.378.000	0	27.378.000	
110	Trần Thị Phương Trang	01.003	3,33				3,33	7.792.200	5	38.961.000		38.961.000	
									Cộng	38.961.000	0	38.961.000	
111	Lê Phạm Công Tuyển	01.003	3,33		0,2		3,53	8.260.200	5	41.301.000	2.340.000	38.961.000	
									Cộng	41.301.000	2.340.000	38.961.000	

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	HSPC chức vụ	HSPC khu vực	HS PC khác	Cộng hệ số	Tiền lương + phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền lương + phụ cấp cả năm	Phụ cấp cả năm	Tiền lương cả năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=8*LCS	10	11=9*10	12=5*10*LCS	13=11-12	14
112	Đỗ Ngọc Thiện	01.003	3,33				3,33	7.792.200	5	38.961.000		38.961.000	
									Cộng	38.961.000	0	38.961.000	
113	Nguyễn Thị Thanh Sương	01.003	3,99				3,99	9.336.600	5	46.683.000		46.683.000	
									Cộng	46.683.000	0	46.683.000	
114	Bùi Nguyễn Phương Trúc	01.003	2,34		0,3		2,64	6.177.600	1	6.177.600	702.000	5.475.600	
									Cộng	6.177.600	702.000	5.475.600	
	Cộng I									7.856.206.722	226.395.000	7.629.811.722	
II	Cán bộ hưởng lương hợp đồng lao động												
1	Lương Quang Từ	01.010	3,49				3,49	8.166.600	12	97.999.200		97.999.200	
									Cộng	97.999.200	0	97.999.200	
2	Nguyễn Quốc Bình	01.010	2,95				2,95	6.903.000	12	82.836.000		82.836.000	
									Cộng	82.836.000	0	82.836.000	
3	Cao Thị Thanh Tâm	01.009	2,62				2,62	6.130.800	12	73.569.600		73.569.600	
									Cộng	73.569.600	0	73.569.600	
4	Nguyễn Mạnh Cường							3.640.000	5	18.200.000		18.200.000	Bắt đầu từ T8.2025
									Cộng	18.200.000	0	18.200.000	
5	Nguyễn Hữu Lộc							3.640.000	5	18.200.000		18.200.000	Bắt đầu từ T8.2025
									Cộng	18.200.000	0	18.200.000	
	Cộng II									290.804.800	0	290.804.800	
									Cộng (I+II)	8.147.011.522	226.395.000	7.920.616.522	

Người lập biểu



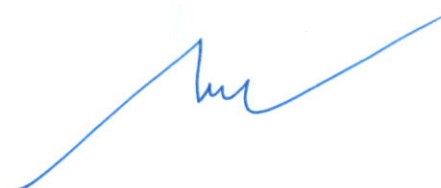
Nguyễn Đức Đoàn Trang

Kế toán trưởng



Ngô Thị Mỹ Hằng

Giám đốc



UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
NÔNG NGHIỆP VÀ GIAO THÔNG

BẢNG CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG

ĐVT : đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Thành tiền
I	Tổng dự toán tiền lương cơ bản, phụ cấp và tiền công		8.147.011.522
II	Các khoản trích nộp		1.916.547.708
1	Trích nộp Bảo hiểm xã hội (17,5% lương cơ bản kể cả phụ cấp chức vụ)	$I \times 17,5\%$	1.425.727.016
2	Trích nộp Bảo hiểm y tế (3% lương cơ bản kể cả phụ cấp chức vụ)	$I \times 3\%$	244.410.346
3	Trích nộp bảo hiểm thất nghiệp (1% lương cơ bản kể cả phụ cấp)	$I \times 1\%$	81.470.115
4	Trích nộp kinh phí công đoàn 2% (lương + phụ cấp lương + tiền công)	$2\% \times I$	162.940.230
5	Trích nộp kinh phí Ban Thanh tra nhân dân		2.000.000

Lập biểu



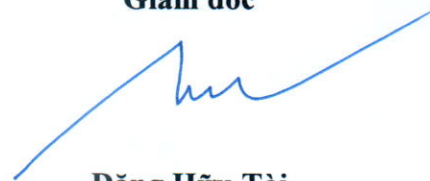
Trần Thị Diệu Na

Phòng Tài chính - Kế hoạch



Ngô Thị Mỹ Hằng

Giám đốc



Đặng Hữu Tài

